TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 382/2021/DS-PT
Ngày 29 - 11 - 2021
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Vũ Ngọc Huynh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2570/2021/QĐPT-DS ngày 9 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Kỳ P, sinh năm 1945;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Kỳ P: ông Lê Văn H, ông Lê Minh T. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Tăng Ngọc O, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của ông Tăng Ngọc O: ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952, ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

2. Ông Tăng Ngọc T1, sinh năm 1939 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tăng Ngọc T1:

2.1 Bà Mã Thị N1, sinh năm 1942;

2.2 Bà Tăng Thị Ngọc S1, sinh năm 1963;

2.3 Ông Tăng Ngọc O, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

2.6 Bà Tăng Thị Ngọc D1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: số 58 khóm 4, phường 3, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bà Mã Thị N1, Tăng Thị Ngọc S1, Tăng Thị Ngọc D1 và Tăng Ngọc O: ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

2.4 Ông Tăng Văn Đ1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

2.5 Bà Tăng Thị Ngọc P1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, huyện D, tỉnh T.

2.7 Bà Tăng Thị T2, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số B4/311, nhà ở xã hội H, phường H, thành phố T, tỉnh B.

2.8 Bà Tăng Thị Ngọc H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 294/154 đường X, phường 21, quận B, Thành phố H.

2.9 Bà Tăng Thị Bích C;

Địa chỉ: số 83/2, đường N, phường T, quận T, Thành phố H.

2.10 Bà Tăng Thị Ngọc T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số 50/20/21/31A, Nguyễn Quý E, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.11 Bà Tăng Thị Kim L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn C, huyện T, tỉnh C.

2.12 Bà Tăng Ngọc M, sinh năm 1961;

Địa chỉ: số 106B/E, đường 136 – Tổ 18, ấp 4, xã Giữa 2, huyện N, thành phố N, C.

Người đại diện hợp pháp của bà Tăng Thị Ngọc P1, ông Tăng Văn Đ1, bà Tăng Thị T2, Tăng Thị Ngọc H, Tăng Thị Bích C, Tăng Thị Ngọc T, Tăng Thị Kim L và Tăng Thị Ngọc M: ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị P1, sinh năm 1926 (chết ngày 28/9/2018);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị P1: Ông Lê Kỳ P, sinh năm 1945;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1949;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

3. Bà Lê Thị Hồng T3, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Kỳ P, bà Trần Thị T2, bà Lê Thị Hồng T3: ông Lê Minh T và ông Lê Văn H (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

4. Ông Lê Minh T, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

5. Bà Mã Thị N1, sinh năm 1942;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bà Mã Thị N1: ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, tỉnh T (có mặt).

6. Bà Tăng Thị C1, sinh năm 1947;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bà Tăng Thị C1: ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

7. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh T;

Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Thanh L. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh T (có đơn xin vắng mặt).

8. Bà Tăng Thị Ngọc S1, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của bà Tăng Thị Ngọc S1: ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, tỉnh T (có mặt).

9. Bà Tăng Thị Ngọc P1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, huyện D, tỉnh T.

10. Bà Tăng Thị Ngọc H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số 294/154 X, phường 21, quận B, Thành phố H.

11. Bà Tăng Thị Ngọc T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: số 50/20/21/31A, đương N, phường A, quận B, Thành phố H.

12. Bà Tăng Thị Bích C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: số 83/2, đường N, phường T, quận T, Thành phố H.

13. Ông Tăng Văn Đ1, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

14. Bà Tăng Thị T2, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số B4/311, nhà ở xã hội H, phường H, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà Tăng Thị Ngọc P1, ông Tăng Văn Đ1, bà Tăng Thị T2, Tăng Thị Ngọc H, Tăng Thị Bích C, Tăng Thị Ngọc T: ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Cây Da, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

16. Bà Tăng Thị X, sinh năm 1991;

17. Bà Trần Thị H, sinh năm 1976;

18. Chị Tăng Thị Trúc L, sinh năm 1995;

19. Chị Tăng Thị Yến N, sinh ngày 30/11/2003;

20. Chị Tăng Thị Bé C, sinh ngày 27/8/2002;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của Tăng Thị X, Trần Thị H, Tăng Thị Trúc L, Tăng Thị Yến N và Tăng Thị Bé C: ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Kỳ P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2018, đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 25/12/2019 và trong quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn ông Lê Minh T có lời trình bày*:

Nguyên cha mẹ ông có phần đất tổng diện tích 690m^2 bao gồm: thửa 47 có diện tích 187m^2, thửa 48 có diện tích 208m^2, thửa 49 có diện tích 295m^2; cùng tờ bản đồ số 14 (theo tư liệu năm 1992), tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T. Nguồn gốc đất được gia đình ông là ông Lê Văn T3, sinh năm 1923 và Huỳnh Thị P1, sinh năm 1926 tạo lập. Do cha ông là ông Lê Kỳ P là con một nên sau khi ông nội ông là ông Lê Văn T3 và bà nội ông là bà Huỳnh Thị P1 mất thì toàn bộ diện tích đất trên cha ông là người trực tiếp quản lý cho đến nay. Năm 1983 ông Lê Văn T3 đứng ra đăng ký kê khai nhưng do hộ ông Tăng Ngọc T1 ở trên phần đất này (phần đất đang tranh chấp) từ trước năm 1975 cho đến nay, vì lúc sinh thời ông nội ông thấy gia cảnh của ông Tăng Ngọc T1 nghèo khó, không có chỗ ở ổn định. Vì vậy, ông nội ông có cho ông Tăng Ngọc T1 cất tạm căn nhà ở nhờ trên đất gia đình ông với diện tích khoảng 100m^2 (phần đất này thuộc thửa 48). Riêng phần đất còn lại bỏ trống không ai sử dụng và cũng chính vì lý do đó mà gia đình ông chưa tiến hành kê khai, đăng ký. Lợi dụng sơ hở lúc ông bà nội ông tuổi già không minh mẫn, ông T6 lén lút tự ý đứng ra kê khai, đăng ký luôn toàn bộ diện tích đất thuộc các thửa 47, 48, 49 không qua ý kiến của gia đình ông. Hiện phần đất này ông T6 đã cho con mình là ông Tăng Ngọc O cất một căn nhà để ở. Việc cất nhà trái phép này gia đình ông có đứng ra ngăn cản, đến khi phát sinh tranh chấp thì gia đình ông mới biết các thửa đất 47, 48, 49 gia đình ông T6 đã được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân

dân huyện D) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1995. Việc cấp giấy các thửa trên gia đình ông hoàn toàn không biết. Khi ông nội ông còn sống thì không có phát sinh tranh chấp, nhưng sau khi ông nội ông mất thì đến năm 2015 giữa gia đình ông và gia đình ông T6 mới phát sinh tranh chấp.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết hủy tất các các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa 47, diện tích 187m^2; thửa 48, diện tích 208 m^2; thửa 49 , diện tích 295 m^2 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) cấp cho hộ ông Tăng Ngọc T1 và Buộc hộ ông Tăng Ngọc T1 và hộ ông Tăng Ngọc O phải tháo dỡ di dời nhà cửa, vật dụng và toàn bộ công trình có trên đất và trả lại cho gia đình ông Lê Kỳ P 3 thửa đất trên

** Đại diện bị đơn ông Lâm Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án có lời trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp từ xa xưa là của ông Lê Văn Đ và bà Lâm Thị V để lại. Sau khi ông Đ và bà V chết để lại phần đất này cho các con là ông Lê Văn T4 (cha ông T), ông Lê Văn T3 (cha của Lê Kỳ P) và bà Lê Thị N (mẹ của ông Tăng Ngọc T1) ở và lập gia đình sống từ trước năm 1975 rất lâu (hiện tại nhà của ông Lê Văn T4 là do con ông T2 là ông Lê Văn T5 ở, nhà của ông Lê Văn T3 là do hộ ông Lê Kỳ P ở, nhà của bà Lê Thị N là do hộ ông Tăng Ngọc T1 ở). Ông Tăng Ngọc T1 ở trên phần đất này từ khi sinh ra 1939 đến khi mất 2018. Trong quá trình sử dụng đất ông Tăng Ngọc T1 đã thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất như năm 1993 đăng ký kê khai gồm 03 thửa 47, 48, 49 cùng tờ bản đồ số 14 (phần đất đang tranh chấp) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 thửa đất trên vào năm 1995 nhưng không có ai tranh chấp cho nên hộ ông T6 sử dụng ổn định lâu dài cho đến nay và hiện nay ông Lê Kỳ P tranh chấp. Việc ông T6 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất trên là do ông T3 là người đứng ra chỉ ranh và tách các thửa trên cho ông T6 kể cả ông T. Sau khi ông T3 mất thì ông Lê Kỳ P mới đi kiện.

Nay ông yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Kỳ P, đồng thời công nhận thửa đất 47, diện tích 187m^2; thửa 48, diện tích 208m^2; thửa 49, diện tích 295m^2; cùng tờ bản đồ số 14 (theo tư liệu năm 1992) tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T thuộc quyền sử dụng của hộ ông Tăng Ngọc T1.

Tại kết quả thẩm định của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T theo Công văn số 120/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 20 tháng 3 năm 2020 thể hiện theo tư liệu năm 1992 (có sơ đồ kèm theo) và QSD cấp cho ông T6 thì phía hộ ông Lê Kỳ P xây dựng nhà lấn chiếm phần ký hiệu N diện tích 30.6m^2 thuộc thửa 47, ký hiệu M diện tích 26.1m^2 thuộc thửa 48 và ký hiệu B1 diện tích 10.4m^2, ký hiệu C1 diện tích 15.9m^2, cùng thuộc thửa 49, Mặc dù được Tòa án phân tích, hướng dẫn để phía hộ ông Tăng Ngọc T1 hiểu và làm đơn yêu cầu phản tố để được Tòa án thụ lý xem xét giải quyết trong cùng vụ án, nhưng qua giải thích phía đại diện bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với phần diện tích ông P sử dụng trên.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn có lời trình bày như phía nguyên đơn*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn có lời trình bày như phía bị đơn*

** Đại diện Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh T có văn bản trình bày ý kiến:*

Các thửa đất số 47, 48, 49, cùng tờ bản đồ số 09 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 cấp cho hộ Tăng Ngọc T1), tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T theo tự liệu năm 1983 phần đất trên thuộc một phần diện tích của thửa 19, diện tích 2.000m^2, loại đất T-Q do ông Lê Văn T3 kê khai trên sổ mục kê ruộng đất, theo tư liệu 1993 phần đất tranh chấp nêu trên do hộ ông Tăng Ngọc T1 kê khai đăng ký trên sổ mục kê và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 14/9/1995 do ông Tăng Ngọc T1 đại diện hộ đứng tên. Việc cấp giấy các thửa đất trên là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất theo quy định pháp luật. Nay phía Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020, Toà án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 5, 26; 35; 37; 39; 144; 147; 157; 165; 166 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các 10; 49; 50; 105 và 136 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 5; 6; 7; 100; 166; 170; 179 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Kỳ P

Công nhận diện tích 187m^2 và tài sản trên đất, loại đất CDK thuộc thửa 47; diện tích 208m^2 và tài sản trên đất, loại đất CDK thuộc thửa 48; diện tích 295m^2 và tài sản trên đất, loại đất CDK, thuộc thửa 49, cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T đã được Ủy ban nhân dân huyện T (do thay đổi địa giới hành chính nay là huyện D), tỉnh T cho hộ ông Tăng Ngọc T1 tiếp tục quản lý sử dụng.

Đối với phần M diện tích 26.1 m^2, thuộc thửa 47 và phần N diện tích 30.6m^2, thuộc thửa 48 và phần B1 diện tích 10.4 m^2 và phần C1 diện tích 15.9m^2, cùng thuộc thửa 49 hiện nay do hộ ông Lê Kỳ P quản lý sử dụng xây dựng nhà, nhưng phía bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này .

(Kèm theo sơ đồ các thửa đất)

3. Chi phí thẩm định, chi phí định giá:

Buộc ông Lê Kỳ P phải chịu 13.745.000đ *(Mười ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).* Do ông Lê Kỳ P đã nộp tạm ứng trước 13.748.000đ

(Mười ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng), nên ông P được nhận lại 3.000đ (Ba nghìn đồng) tại Tòa án nhân dân tỉnh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, phần thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/5/2020, nguyên đơn ông Lê Kỳ P làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Minh T và Lê Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

Đại diện theo ủy quyền của các bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Kỳ P là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ nào mới có giá trị chứng minh. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Kỳ P và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Kỳ P đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định, nên kháng cáo của ông P được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tăng Ngọc T1 là bà Tăng Ngọc M là người Việt Nam định cư tại nước ngoài (Campuchia), đồng thời vụ án có yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện phía Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có bản tự khai; những người có quyền và nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không có mặt. Căn cứ vào

Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ tranh chấp:

Ông Lê Kỳ P khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho hộ ông Tăng Ngọc T1 thuộc các thửa 47, 48, 49, cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T; buộc hộ ông Tăng Ngọc T1 và hộ ông Tăng Ngọc O di dời các tài sản trên đất để trả lại phần đất tranh chấp cho gia đình ông. Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Kỳ P đã không được cấp sơ thẩm chấp nhận.

[4] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn là ông Lê Kỳ P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu tranh chấp về quyền sử dụng đất:

Diện tích đất tranh chấp là 187m^2 thuộc thửa đất số 47; diện tích 208m^2, thuộc thửa 48; diện tích 295 m^2 thửa đất số 49, cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T.

Chứng cứ mà các bên đương sự tranh chấp đưa ra để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình chỉ là lời nói mà không có văn bản. Do đó cần xem xét đến nguồn gốc và quá trình sử dụng đất.

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định:

Lúc sinh thời cụ Lê Văn Đ và cụ Lê Thị V có diện tích đất khoảng 2.000m^2, hai cụ có 03 người con sinh sống trên diện tích đất nêu trên gồm: ông Lê Văn T3 (cha ông Lê Kỳ P), bà Lê Thị N (mẹ của ông Tăng Ngọc T1) và ông Lê Văn T4 (cha của ông Lê Văn T5) . Ông T3, ông T2 và bà N1 sinh sống, xây dựng nhà ở ổn định từ trước năm 1975. Năm 1993 ông Lê Văn T3 đứng ra phân chia phần đất của ông bà ra ba phần cho 03 người gồm: Bà Lê Thị N một phần (phần đất đang tranh chấp và hiện nay do hộ ông Tăng Ngọc T1 quản lý sử dụng); ông Lê Văn T3 01 phần (hiện nay do ông Lê Kỳ P sử dụng) và ông Lê Văn T4 một phần (hiện nay do ông Lê Văn T5 quản lý sử dụng).

Theo lời khai của ông Quách Văn B1 năm 1993 ông giữ chức vụ Trưởng ban nhân dân ấp C, xã Đ, huyện T (nay là huyện D), tỉnh T, ông có dẫn đoàn xuống đo đạc lại đất theo quy định của Nhà nước, thì ông Lê Văn T3 có đứng ra chỉ ranh cho đoàn đo đạc và nói rằng phần đất ông đứng ra chỉ ranh là phần đất của ông bà để lại và chia làm 03 phần cho ba người gồm: ông Lê Văn T3 một phần, bà Lê Thị N một phần (phần đất đang tranh chấp) và ông Lê Văn T4 một phần. Đến năm 1995 các phần đất nêu trên được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T6 mà không có ai tranh chấp. Chỉ sau khi ông T3 chết, mới xảy ra mâu thuẫn giữa ông P và ông T6 và dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét thấy diện tích 187 m^2 thuộc thửa đất số 47, diện tích 208m^2 thuộc thửa 48, diện tích 295 m^2 thuộc thửa đất số 49, cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã

Đ, huyện D, tỉnh T các bên tranh chấp thừa nhận do hộ ông Tăng Ngọc T1 sử dụng ổn định, xây dựng nhà ở và các công trình phụ từ trước năm 1975 rất lâu cho đến nay. Trong quá trình xây cất các công trình cơ bản trong đó có nhà ở nhưng lúc ông T3 còn sống và ông P ở giáp ranh liền kề cũng không ngăn cản tranh chấp. Đại diện cho nguyên đơn cũng thừa nhận tại bút lục số 158 đến 163 và tại phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất là của cha ông là ông T3 cho ông T6 mượn ở khoảng 100m^2 và trong quá trình ở nhờ đã lén kê khai hết 03 thửa nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh ông T3 cho ông T6 mượn đất ở nhờ và cũng không chứng minh được đất ông T6 là của ông T3.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Kỳ P là có căn cứ.

[4.2] Việc ông Lê Kỳ P yêu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa 47, 48, 49, cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T cho hộ ông Tăng Ngọc T1 để công nhận cho ông Lê Kỳ P. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ văn bản số 1314/UBND - NC, ngày 07/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh T xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nêu trên cho hộ ông Tăng Ngọc T1 là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng sử dụng đất theo quy định pháp luật. Để chứng minh cho văn bản này Ủy ban nhân dân huyện D cung cấp hồ sơ xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua xem xét nhận thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T6 là đúng trình tự, thủ tục và đối tượng theo quy định pháp luật.

Từ cơ sở chứng cứ như đã phân tích trên cho thấy việc ông Lê Kỳ P khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận các thửa đất 47, 48, 49, cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T do hộ ông Tăng Ngọc T1 đứng tên quyền sử dụng đất và trả lại 03 thửa đất trên cho ông không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng pháp luật.

[5] Với các căn cứ như nhận định nêu trên nên đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Kỳ P không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu. Tuy nhiên ông Lê Kỳ P là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Kỳ P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 5, 26; 35; 37; 39; 144; 147; 157; 165; 166 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các 10; 49; 50; 105 và 136 Luật đất đai năm 2003; Các Điều 5; 6; 7; 100; 166; 170; 179 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Kỳ P.

Công nhận diện tích 187m^2 và tài sản trên đất, loại đất CDK thuộc thửa 47; diện tích 208m^2 và tài sản trên đất, loại đất CDK thuộc thửa 48; diện tích 295m^2 và tài sản trên đất, loại đất CDK, thuộc thửa 49, cùng tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh T đã được Ủy ban nhân dân huyện T (do thay đổi địa giới hành chính nay là huyện D), tỉnh T cho hộ ông Tăng Ngọc T1 tiếp tục quản lý sử dụng.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Kỳ P không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Lê Kỳ P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008948 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh T; (1)
- VKSND tỉnh T; (1)
- Cục THADS tỉnh T; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (2)
- NLQ; (20)
- Lưu VT (6), HS (2) T.36 (BA 36).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Long